CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Nhiệt điện Hải Phòng

Ngày 30/06/2025	11,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-0.8%	**-7.0%**	**-7.7%**

DT thuần
Q2/25
2,972
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 315| 11.8%
YoY: ▼480| -13.9%

LN thuần
Q2/25
268
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 83.0| 45.1%
YoY: ▼23.0| -7.7%

LN sau thuế
Q2/25
242
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 76.0| 45.6%
YoY: ▼34.0| -12.4%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
9.1%
YoY: +/-▲ 2.1%

ROE (TTM)
Q2/25
6.5%
YoY: +/-▼ 0.9%

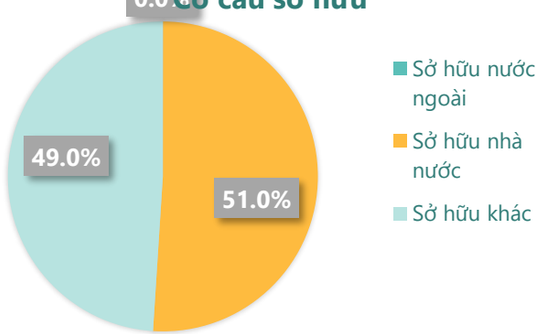
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	10,313 - 14,521
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,900
Số lượng CPLH (CP)	500,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	16,810
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.05
EPS	797
P/E	14.8

DT thuần
6T 2025
5,629
tỷ VNĐ
YoY: ▼612| -9.8%

LN thuần
6T 2025
453
tỷ VNĐ

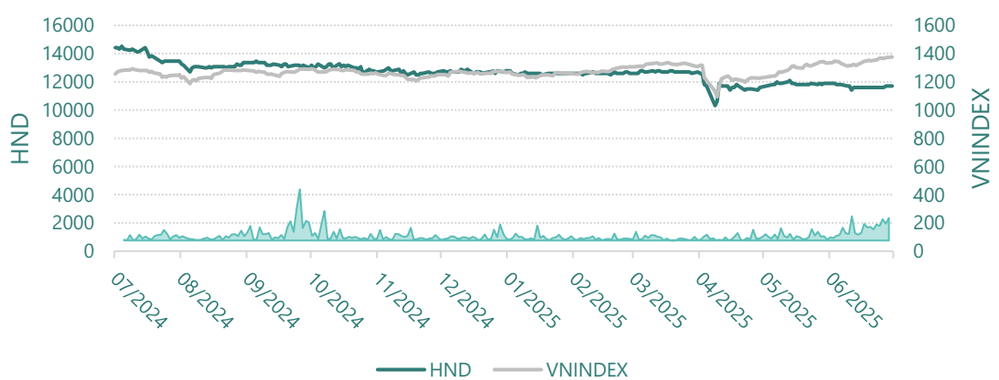
LN sau thuế
6T 2025
408
tỷ VNĐ
YoY: ▼23.0| -5.4%

Cơ cấu sở hữu

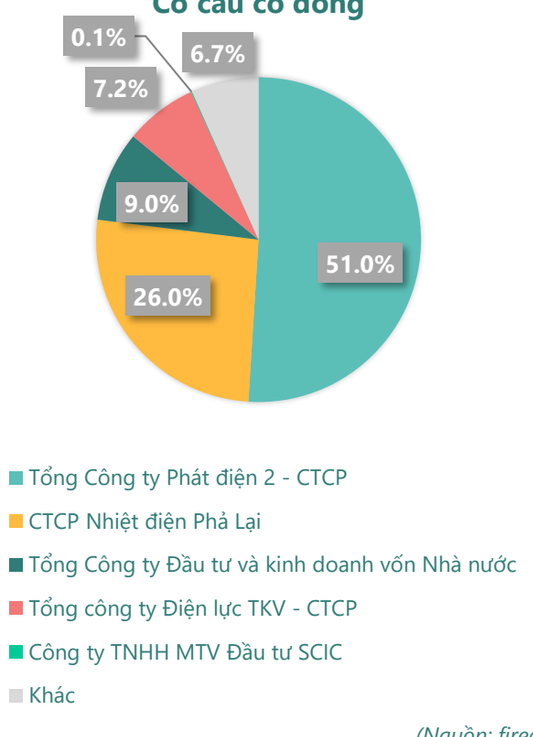


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



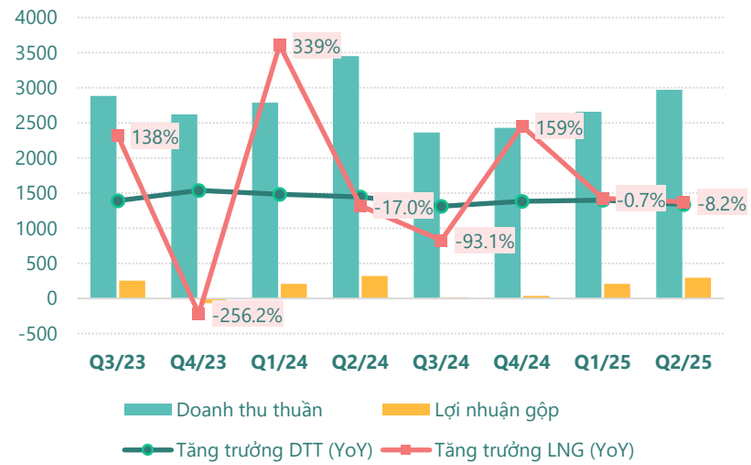
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

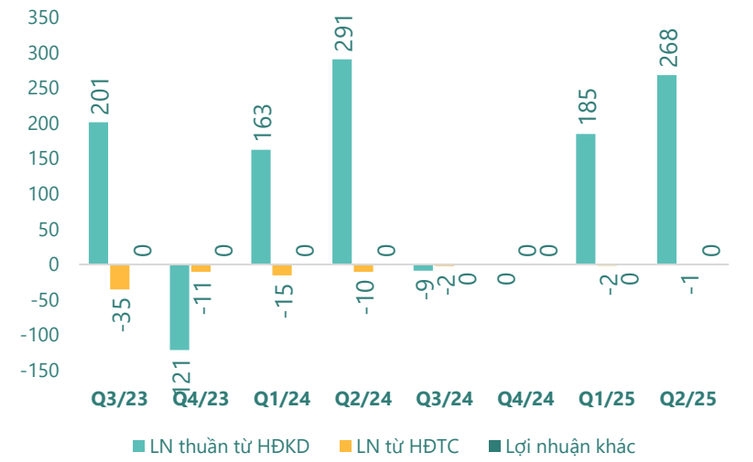
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



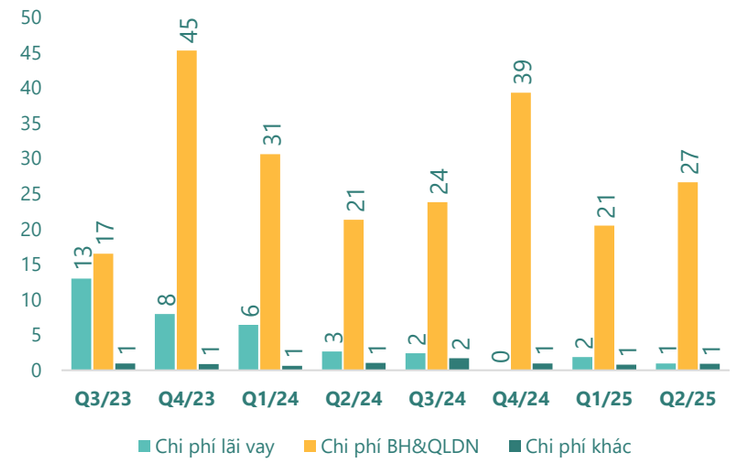
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



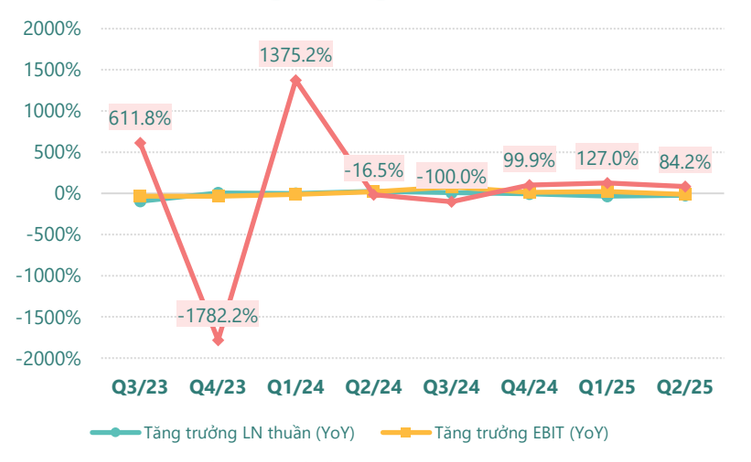
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



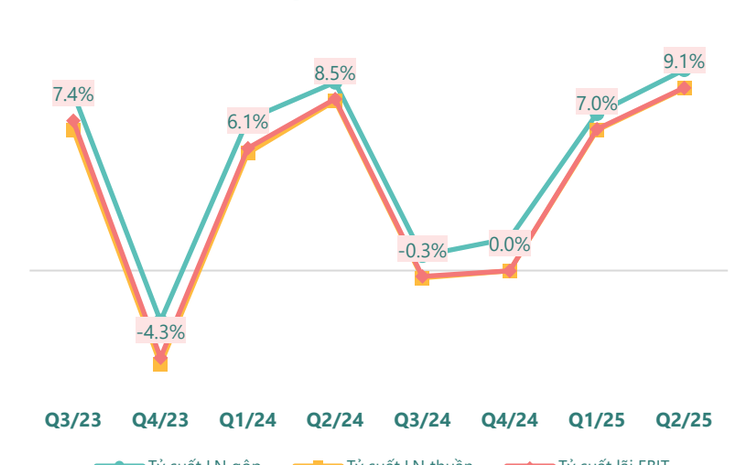
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



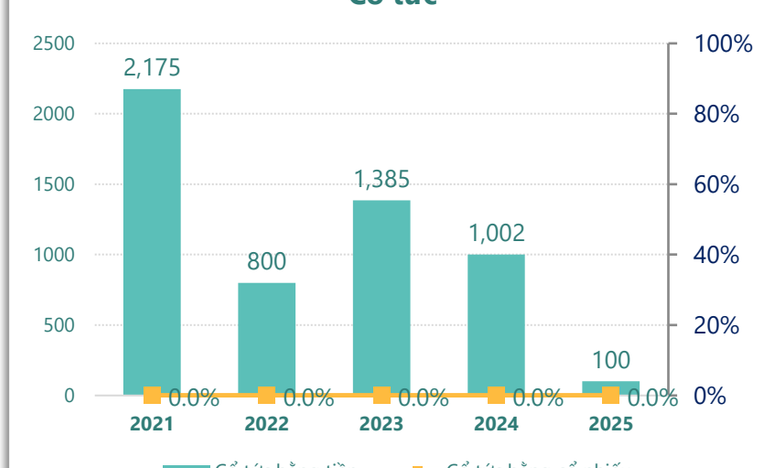
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

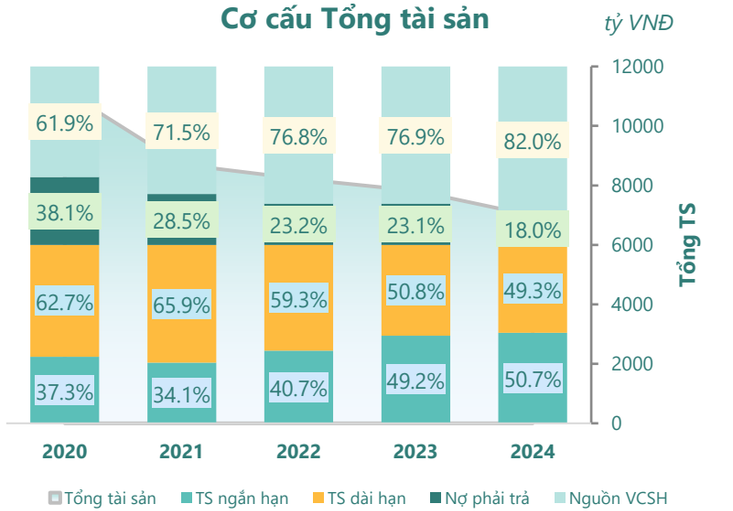
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

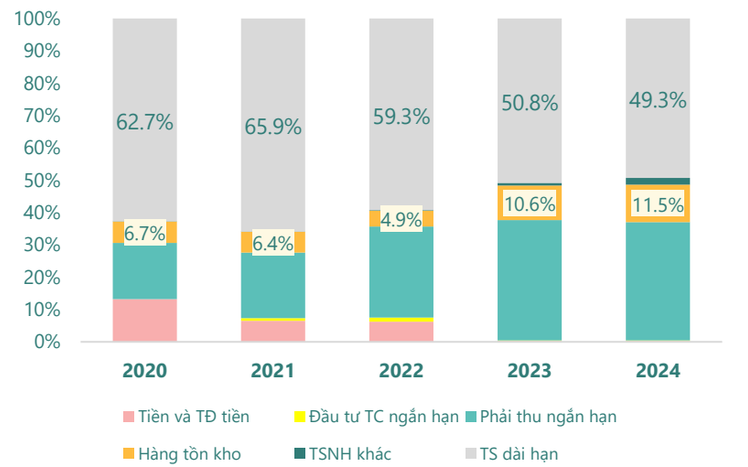
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



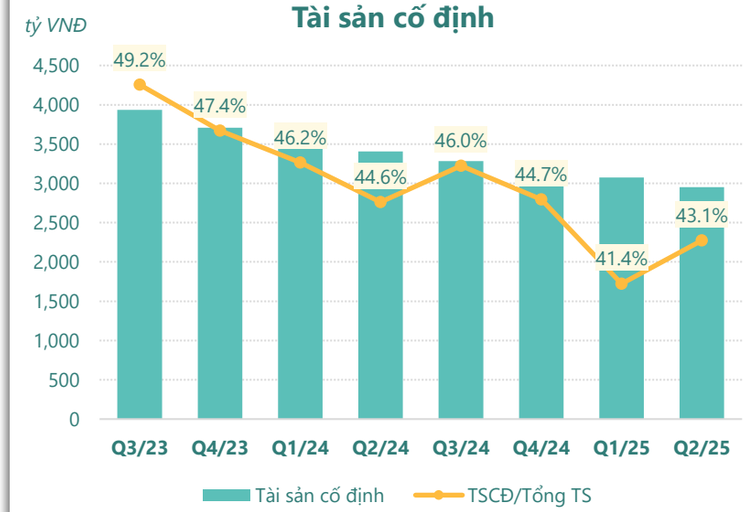
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



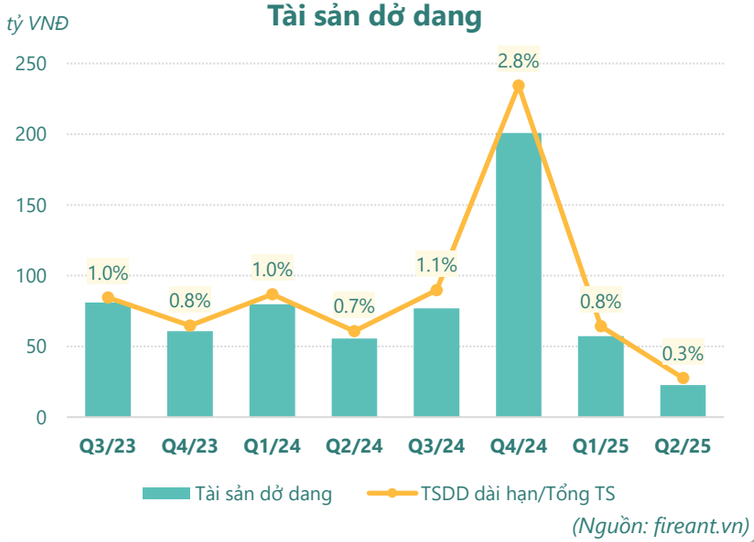
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



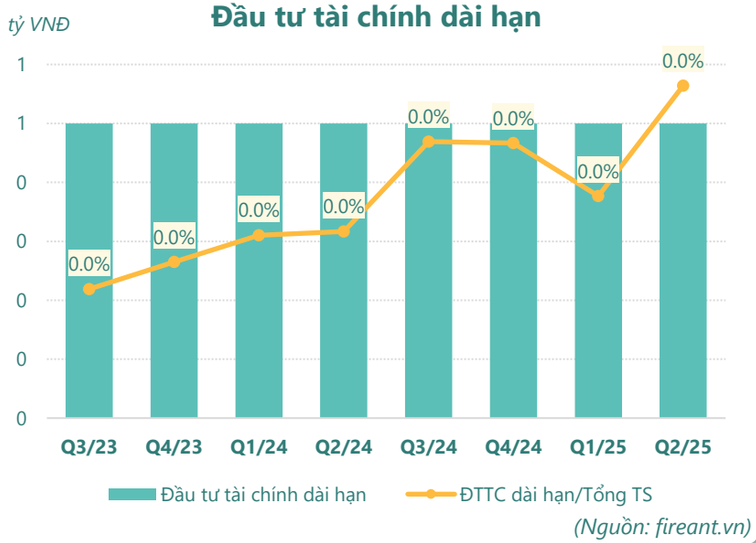
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



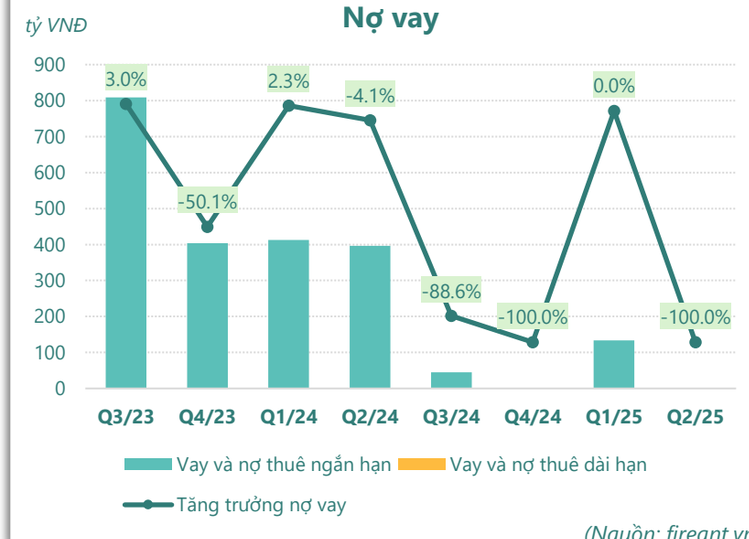
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

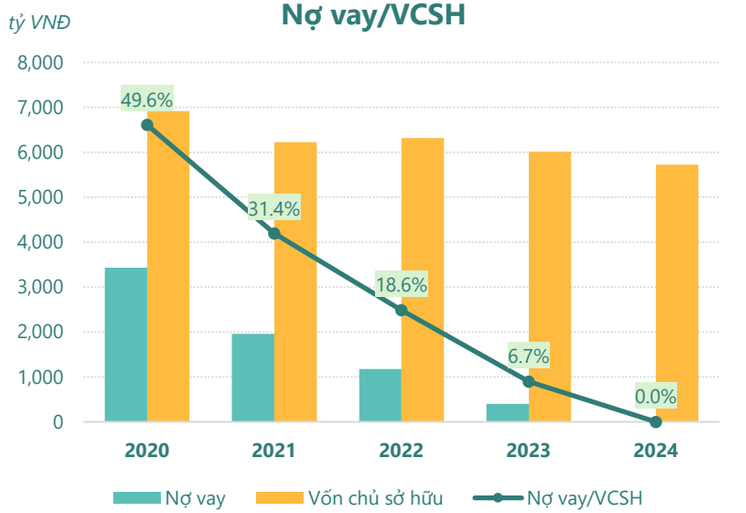
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

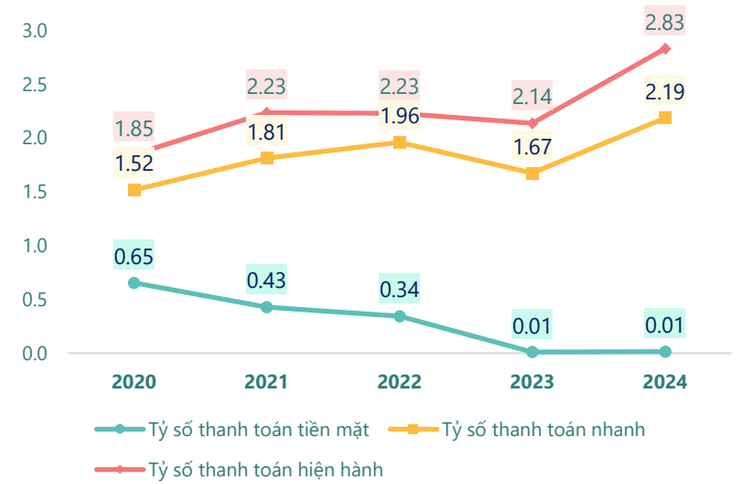
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



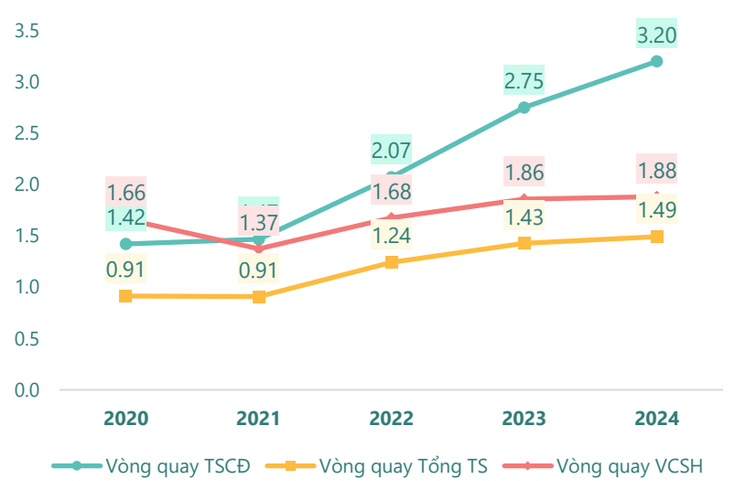
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



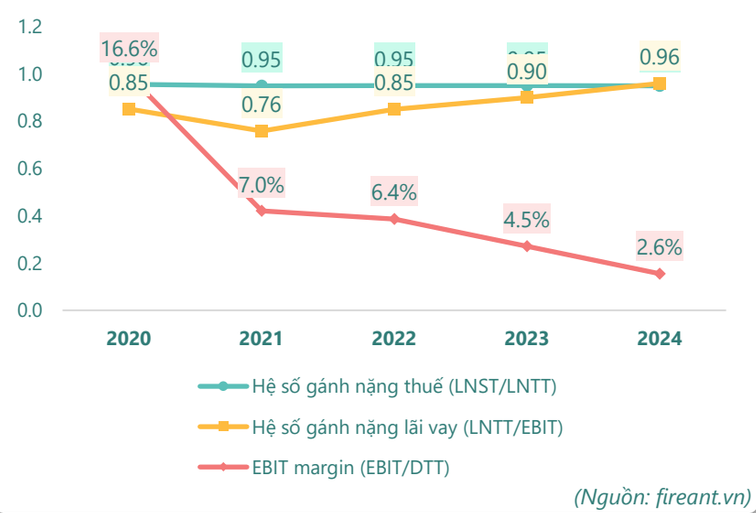
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



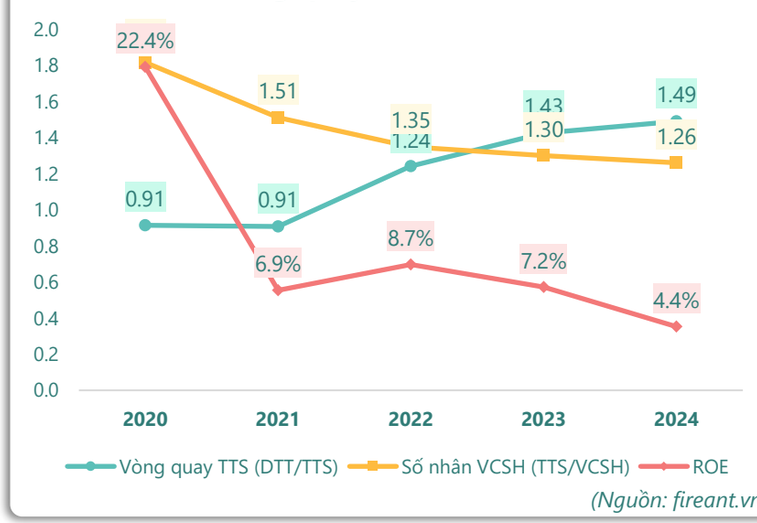
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



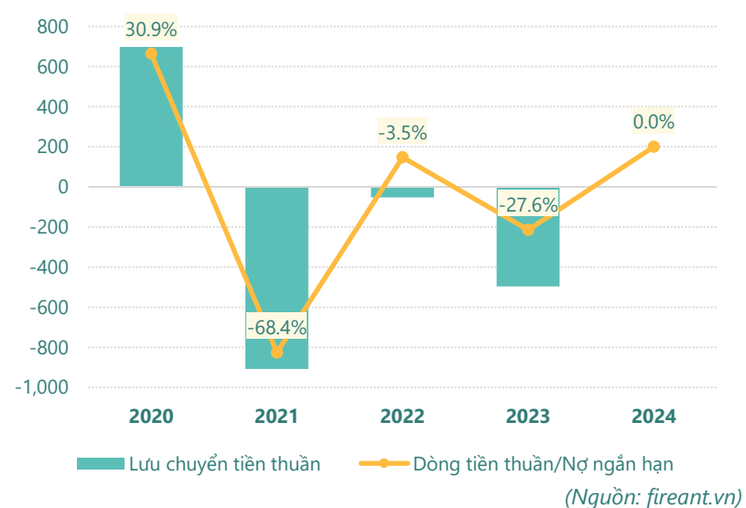
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**2,972**	**3,452**	**-13.9%**	**5,629**	**6,241**	**-9.8%**
Giá vốn hàng bán	2,676	3,130	-14.5%	5,126	5,710	-10.2%
Lợi nhuận gộp	296	322	-8.1%	503	531	-5.2%
Doanh thu HĐTC	0.08	0.08	5.8%	0.22	0.33	-34.0%
Chi phí TC	0.98	10.4	-90.6%	2.86	26.0	-89.0%
Chi phí lãi vay	0.98	2.67	-63.3%	2.86	9.12	-68.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**26.7**	**21.3**	**25.1%**	**47.2**	**51.9**	**-9.2%**
LN thuần từ HĐKD	268	291	-7.7%	453	453	0.0%
Lợi nhuận khác	**0.09**	**0.27**	**-65.0%**	**-0.10**	**0.52**	**-120%**
LN trước thuế	269	291	-7.7%	453	454	-0.2%
Lợi nhuận sau thuế	**242**	**276**	**-12.4%**	**408**	**431**	**-5.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**242**	**276**	**-12.4%**	**408**	**431**	**-5.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	162	227	433	170	99.8	23.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.22	12.5	-1.32	-46.3	-1.56	13.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-155	-244	-435	-120	-104	-45.5
Tiền đầu kỳ	18.5	22.8	17.8	14.0	18.2	12.1
Lưu chuyển tiền thuần	**4.35**	**-4.99**	**-3.86**	**4.19**	**-6.08**	**-8.96**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	22.8	17.8	14.0	18.2	12.1	3.11

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**6,857**	**6,980**	**-1.8%**
Tài sản ngắn hạn	3,673	3,541	3.7%
Tiền và tương đương tiền	3.11	18.2	-82.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	15.0	-100%
Phải thu ngắn hạn	2,667	2,554	4.4%
Hàng tồn kho	842	806	4.5%
Tài sản ngắn hạn khác	161	148	8.8%
Tài sản dài hạn	**3,183**	**3,440**	**-7.4%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	2,953	3,192	-7.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	22.7	44.6	-49.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.50	0.50	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**207**	**202**	**2.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	761	1,257	-39.5%
Nợ ngắn hạn	**755**	**1,251**	**-39.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	643	954	-32.6%
Nợ dài hạn	5.88	6.01	-2.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**6,096**	**5,723**	**6.5%**
Vốn chủ sở hữu	**6,096**	**5,723**	**6.5%**
Vốn điều lệ	5,000	5,000	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)